

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TIỀN TIẾN
HỢP TÁC VỚI ĐẠI HỌC LEEDS - VƯƠNG QUỐC ANH

NGÀNH: KỸ THUẬT XÂY DỰNG
CHUYÊN SÂU XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG

TT	TÊN HỌC PHẦN / MÔN HỌC	MÃ HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	GIẢNG TRÊN LỚP		Thiết kế môn học	Bài tập lớn	THỰC HÀNH		TỰ HỌC	GHI CHÚ MÃ HP CỬ	GHI CHÚ TÊN HỌC PHẦN
				Lý thuyết	Thảo luận + Bài tập			Thí nghiệm	Thực hành			
	HỌC KỲ 1											
1	Giáo dục QP-AN F1	GQP201.3	3	45						90	GQP201.3	
2	Giáo dục QP-AN F2	GQP202.2	2	30						60	GQP202.2	
3	Giáo dục QP-AN F3	GQP203.3	3	45					30	90	GQP203.3	
4	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lê Nin F1	MLN01.2	2	21	18					60	MLN01.2	
5	Tiếng Anh B1	ANHB1QT.4	4	30	60					120	ANH01.3	
6	Giáo dục thể chất F1	GDT01.1	1						30	30	GDT01.1	
	Cộng		15									
	HỌC KỲ 2											
7	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lê Nin F2	MLN02.3	3	32	26					90	MLN02.3	
8	Tư tưởng Hồ Chí Minh	HCM01.2	2	21	18					60	HCM01.2	
9	Kỹ năng mềm	QLY18.2	2	24	12					60	QLY18.2	
10	Tiếng Anh B2	ANHB2QT.3	3	30	30					90	ANH03.3	
11	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	DCS01.3	3	32	26					90	DCS01.3	
12	Giáo dục thể chất F2	GDT02.1	1						30	30	GDT02.1	
	Cộng		14									
	HỌC KỲ 3											
13	Cơ học cơ sở	SBV19.3	3	30	30					90	CIVE1140	
14	Vật liệu xây dựng 1.1	VLX301.3	3	30	15			15		90	CIVE1300	
15	Trắc địa đại cương	TRD11.3	3	30			10		30	90	CIVE1200	
16	Toán kỹ thuật 1.1	DSO10.3	3	30	30					90	CIVE1620	

TT	TÊN HỌC PHẦN / MÔN HỌC	MÃ HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	GIẢNG TRÊN LỚP		Thiết kế môn học	Bài tập lớn	THỰC HÀNH		TỰ HỌC	GHI CHÚ MÃ HP CŨ	GHI CHÚ TÊN HỌC PHẦN
				Lý thuyết	Thảo luận + Bài tập			Thí nghiệm	Thực hành			
17	Thiết kế đồ án 1.1	VKT09.3	3	30	30					90	CIVE1705	Vẽ kỹ thuật
18	Giáo dục thể chất F3	GDT03.1	1						30	30	GDT03.1	
	Cộng		16									
	HỌC KỲ 4											
19	Toán kỹ thuật 2.2.1	GIT2.02.3	3	30	30					90	CIVE2602.1	
20	Phân tích ứng suất & kết cấu 1.1	SBV20.3	3	30	30					90	CIVE1120	
21	Địa kỹ thuật 1.1	DKT27.3	3	30	15			15		90	CIVE1500	
22	Trắc địa công trình	TRD15.2	2	15	30					60	CIVE3201	
23	Thực tập trắc địa	TRD202.1	1						30	30	TRD203.1	
24	Vật liệu xây dựng 2.2	VLX302.2	2	15	15			15		60	CIVE2300	
25	Cơ học chất lỏng 1.1	COT205.2	2	24	12					60	CIVE1400	
26	Giáo dục thể chất F4	GDT04.1	1						30	30	GDT04.1	
	Cộng		17									
	HỌC KỲ 5											
27	Toán kỹ thuật 2.2.2	DSO11.3	3	30	30					90	CIVE2602.2	
28	Phân tích ứng suất & kết cấu 2.2	SBV31.3	3	30	15			15		90	CIVE2121	
29	Cơ học chất lỏng 2.2	COT206.2	2	15	15			15		60	CIVE2400	
30	Địa kỹ thuật 2.2	DKT28.3	3	30	15			15		90	CIVE2500	
31	Cơ sở quản lý xây dựng	DAN36.2	2	24	12					60	CIVE1900	
32	Thực tập địa chất công trình	DKT04.1	1						30	30	DKT04.1	
33	Máy xây dựng	MXD33.2	2	24	12					60	MXD33.2	
34	Giáo dục thể chất F5	GDT05.1	1						30	30	GDT05.1	
	Cộng		17									
	HỌC KỲ 6											
35	Thiết kế kết cấu thép	GTP251.3	3	30	15		10		15	90	CIVE2107	
36	Thiết kế kết cấu bê tông	GTP252.3	3	30	15		10		15	90	CIVE2103	
37	Kỹ thuật xây dựng giao thông 1.1	DBO01.3	3	30	30		10			90	UTC T1.1	Cơ sở công trình đường ô tô và thiết kế hình học đường ô tô
38	Kỹ thuật xây dựng	GTP253.3	3	30	30		10			90	UTC T2.2	Cơ sở công

TT	TÊN HỌC PHẦN / MÔN HỌC	MÃ HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	GIẢNG TRÊN LỚP		Thiết kế môn học	Bài tập lớn	THỰC HÀNH		TỰ HỌC	GHI CHÚ MÃ HP CŨ	GHI CHÚ TÊN HỌC PHẦN
				Lý thuyết	Thảo luận + Bài tập			Thí nghiệm	Thực hành			
	giao thông 2.2											trình nhân tạo trên đường
39	Kỹ thuật xây dựng giao thông 3.3	DSA51.2	2	24	12					60		Cơ sở công trình đường sắt
40	Thủy lực kênh hở	COT207.3	3	30	15				15	90	CIVE3400	
41	Phân tích ứng suất & kết cấu 3.3	SBV22.3	3	30	15				15	90	CIVE3122	
	Cộng		20									
	HỌC KỲ 7											
42	Địa kỹ thuật 3.3	DKT29.3	3	30	15			15		90	CIVE3500	
43	Vật liệu xây dựng 3.3	VLX303.3	3	30	15			15		90	CIVE3300	
44	Kỹ thuật và quy hoạch giao thông	QHO38.3	3	30	30					90	CIVE2350	
45	Phân tích ứng suất & kết cấu 4.4	SBV23.2	2	24	12					60	CIVE5959M	
46	Kỹ thuật thép và bê tông	GTP254.3	3	30	30					90	CIVE3139	
47	a. Quản lý quá trình xây dựng	DAN37.2	2	24	12					60	CIVE5023	
	b. Kinh tế xây dựng	KXD44.2	2	24	12					60	CIVE3921	
48	Kỹ thuật xây dựng giao thông 4.4	DBO02.2	2	24	12		10			60	UTC T3.3	Thiết kế nền mặt đường ô tô
49	Công trình ngầm giao thông	KCT04.2	2	24	12					60	UTC1	
	Cộng		20									
	HỌC KỲ 8											
50	Các giải pháp kỹ thuật xây dựng bền vững	GTP250.3	3	30	30					90	CIVE2250	
51	Ứng dụng khoa học máy tính trong xây dựng	TDH20.2	2	24	12					60	TDH01.2	
52	Thực tập kỹ thuật	UTC01.1	1						30	30	UTC2	(bm DBO và GTP)
53	Thiết kế đồ án 2.2	CAU213.3	3	30	30					90	CIVE2701	Thiết kế Cầu BTCT
54	Thiết kế đồ án 3.3	DBO03.2	2	24	12					60	CIVE 3707	Khảo sát thiết kế đường ô tô
55	Thiết kế đồ án 4.4	GTP256.3	3	30	30					90	CIVE5704	Thiết kế cầu

TT	TÊN HỌC PHẦN / MÔN HỌC	MÃ HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	GIẢNG TRÊN LỚP		Thiết kế môn học	Bài tập lớn	THỰC HÀNH		TỰ HỌC	GHI CHÚ MÃ HP Cũ	GHI CHÚ TÊN HỌC PHẦN
				Lý thuyết	Thảo luận + Bài tập			Thí nghiệm	Thực hành			
												Thép
56	Kỹ thuật xây dựng giao thông 5.5	DSA2.01.2	2	24	12		10			60	DSA39.2	Thiết kế đường sắt
57	Thiết kế và nghiên cứu đồ án 1.1	DSA10.1	1			15				30		Đồ án ĐS
		DBO11.1	1			15				30	CIVE3709.3	Đồ án ĐB
58	Thử nghiệm Ctrình	TTK04.2	2						60	60		
	Cộng		20									
	HỌC KỲ 9											
59	Quản lý, Bảo trì công trình giao thông	UTC02.3	3	30	30					90	CIVE5021M	(bm DBO và GTP)
60	Kỹ thuật xây dựng giao thông 6.6	GTP257.3	3	30	30					90	UTC T4.4	Công nghệ thi công cầu
61	Kỹ thuật xây dựng giao thông 7.7	DBO14.2	2	24	12					60		Công nghệ thi công nền mặt đường
62	Kỹ thuật xây dựng giao thông 8.8	DBO07.2	2	24	12		10			60		Tổ chức thi công đường ô tô
63	Kỹ thuật xây dựng giao thông 9.9	DSA50.2	2	24	12		10			60		Công nghệ thi công kết cấu tầng trên đường sắt
64	Thiết kế và nghiên cứu đồ án 2.2	CAU212.1	1			15				30	CIVE3709.1	Đồ án cầu bê tông
		GTP258.1	1			15				30	CIVE3709.2	Đồ án cầu Thép
65	Chẩn đoán , đánh giá công trình	UTC03.2	2	24	12					60	UTC3	(bm DBO và GTP)
66	Công nghệ mới trong xây dựng công trình giao thông	UTC04.2	2	24	12					60	UTC4	(bm DBO và GTP)
	Cộng		18									
	HỌC KỲ 10											
67	Thực tập tốt nghiệp	UTC05.4	4						12 0	120	UTC5	(Bm DBO, GTP, DSA)
68	Đồ án tốt nghiệp	UTC06.10	10						30 0	300	CIVE5708.2	(Bm DBO, GTP)
	Cộng		14									
	Tổng cộng số tín chỉ		171									

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CẦU - ĐƯỜNG BỘ VIỆT-ANH
NGÀNH: KỸ THUẬT XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG

TT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	GIẢNG TRÊN LỚP		Thiết kế môn học	Bài tập lớn	THỰC HÀNH		TỰ HỌC	HỌC PHẦN TIỀN QUYẾT / GHI CHÚ
				Lý thuyết	Thảo luận + Bài tập			Thí nghiệm	Thực hành		
	HỌC KỲ 1										
1	Những NL cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lê Nin F1	MLN01.2	2	21	18					60	
2	Kỹ năng mềm	QLY18.2	2	24	12					60	
3	Đại số tuyến tính	DSO02.3	3	30	30					90	
4	Giải tích 1	GIT01.3	3	30	30					90	
5	Vật lý ứng dụng trong xây dựng	VLY04.4	4	45	15			15		120	
6	Giáo dục thể chất F1	GDT01.1	1						30	30	
	Cộng		15								
	HỌC KỲ 2										
7	Những NL cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lê Nin F2	MLN02.3	3	32	26					90	
8	Giải tích 2	GIT02.3	3	30	30					90	
9	Hóa học ứng dụng trong xây dựng	HOA03.3	3	30	15			15		90	
10	Ngoại ngữ B1		4	30	60					120	
a	Tiếng Anh	ANHB1QT.4									
b	Tiếng Pháp	PHAPB1QT.4									
11	Vẽ kỹ thuật F1	VKT01.2	2	24	12					60	
12	Thực tập xưởng	TTX02.1	1						30	30	
13	Giáo dục thể chất F2	GDT02.1	1						30	30	
	Cộng		17								
	HỌC KỲ 3										
14	Tư tưởng Hồ Chí Minh	HCM01.2	2	21	18					60	
15	Xác suất thống kê	DSO04.2	2	24	12					60	
16	Ngoại ngữ B2		3	30	30					90	
a	Tiếng Anh	ANHB2QT.3									
b	Tiếng Pháp	PHAPB2QT.3									
17	Vẽ kỹ thuật F2	VKT02.2	2	24	12		10			60	
18	Cơ học lý thuyết	CLT202.4	4	45	30					120	
19	Trắc địa	TRD202.4	4	45			10	30		90	
20	Giáo dục thể chất F3	GDT03.1	1						30	30	
	Cộng		18								
	HỌC KỲ 4										
21	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	DCS01.3	3	32	26					90	
22	Sức bền vật liệu	SBV208.4	4	45	15		10	15		120	

TT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	GIẢNG TRÊN LỚP		Thiết kế môn học	Bài tập lớn	THỰC HÀNH		TỰ HỌC	HỌC PHẦN TIỀN QUYẾT / GHI CHÚ
				Lý thuyết	Thảo luận + Bài tập			Thí nghiệm	Thực hành		
23	Máy xây dựng	MXD33.2	2	24	12					60	
24	Địa chất công trình	DKT01.2	2	24	12					60	
25	Thủy lực	COT201.4	4	45	15			15		90	
26	Thực tập trắc địa	TRD203.1	1						30	60	
27	Giáo dục thể chất F4	GDT04.1	1						30	30	
	Cộng		17								
	HỌC KỲ 5										
28	Giáo dục QP-AN F1	GQP201.3	3	45						90	
29	Giáo dục QP-AN F2	GQP202.2	2	30						60	
30	Giáo dục QP-AN F3	GQP203.3	3	45					30	90	
31	Cơ học đất đá	DKT30.3	3	30	15			15		90	
32	Cơ học kết cấu	KCA201.4	4	45	30		10			120	
33	Vật liệu xây dựng F1	VLX201.3	3	30	15		10	15		90	
34	Thực tập địa chất công trình	DKT04.1	1						30	30	
35	Giáo dục thể chất F5	GDT05.1	1						30	30	
	Cộng		20								
	HỌC KỲ 6										
36	Thủy văn công trình	COT202.3	3	30	30					90	
37	Kỹ thuật nền móng	DKT03.3	3	30	30		10			90	
38	Kết cấu bê tông cốt thép	KCA05.3	3	30	30		10			90	
39	Cơ sở công trình cầu	CAU201.3	3	30	30		10			90	
40	Thiết kế các yếu tố hình học đường ô tô	DBO01.2	2	24	12					60	
41	Vật liệu Xây dựng F2	VLX202.2	2	15	15			15		60	
42	Kết cấu thép	KCA06.2	2	24	12					60	
43	a - Cơ học môi trường liên tục	SBV212.2	2	24	12					60	Chọn 1 trong 3 HP
	b- Động lực học công trình	KCA04.2	2	24	12					60	
	c- Ổn định bờ dốc và tường chắn	DKT25.2	2	24	12		10			60	
	Cộng		20								
	HỌC KỲ 7										
44	Thiết kế đường sắt	DSA201.2	2	24	12					60	
45	Cơ sở phương pháp phân tử hữu hạn	KCA03.2	2	24	12					60	
46	Các giải pháp kỹ thuật xây dựng bền vững	GTP260.2	2	24	12					60	
47	Quản lý dự án xây dựng	DAN03.2	2	24	12					60	

TT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	GIẢNG TRÊN LỚP		Thiết kế môn học	Bài tập lớn	THỰC HÀNH		TỰ HỌC	HỌC PHẦN TIỀN QUYẾT / GHI CHÚ
				Lý thuyết	Thảo luận + Bài tập			Thí nghiệm	Thực hành		
48	Tin học ứng dụng trong xây dựng	TDH2.20.3	3	30	30					60	
49	Thiết kế cầu thép	CAU02.2	2	24	12					60	
50	Thiết kế cầu Bê tông cốt thép	CAU04.2	2	24	12		10			60	
51	Đồ án thiết kế cầu	CAU19.1	1			15				30	
52	Thiết kế nền mặt đường ô tô	DBO02.3	3	30	30					90	
53	Đồ án thiết kế đường ô tô	DBO11.1	1			15				30	
54	Thực tập kỹ thuật cầu - đường bộ	KCT01.1	1						30	30	
	Cộng		21								
	HỌC KỲ 8										
55	Xây dựng cầu	CAU06.3	3	30	30		10			90	
56	Xây dựng mặt đường ô tô	DBO05.2	2	24	12					60	
57	a-Thiết kế cầu thép nâng cao	CAU03.2	2	24	12					60	Chọn 1 trong 3 HP
	b- Thiết kế cầu bê tông cốt thép nâng cao	CAU05.2	2	24	12		10			60	
	c - Đường đô thị và tổ chức giao thông	DBO06.2	2	24	12					60	
58	Kinh tế xây dựng	KXD33.2	2	24	12					60	
59	Xây dựng nền đường và tổ chức thi công đường ô tô	DBO04.3	3	30	30		10			90	
60	Khai thác và kiểm định cầu	CAU12.2	2	24	12					60	
61	Thử nghiệm công trình	TTK04.2	2						60	60	
62	Khai thác và bảo trì đường ô tô	DBO08.2	2	24	12					60	
63	Công trình ngầm giao thông	KCT04.2	2	24	12					60	
	Cộng		20								
	HỌC KỲ 9										
64	Thực tập tốt nghiệp (chuyên ngành cầu đường bộ)	KCT02.4	4						120	120	
65	Đồ án tốt nghiệp (chuyên ngành cầu đường bộ)	KCT03.10	10						300	300	
	Cộng		14								
	Tổng cộng số tín chỉ		162								
	Tổng số môn		65								

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CẦU - ĐƯỜNG BỘ VIỆT-PHÁP
NGÀNH: KỸ THUẬT XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG

TT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	GIẢNG TRÊN LỚP		Thiết kế môn học	Bài tập lớn	THỰC HÀNH		TỰ HỌC	HỌC PHẦN TIỀN QUYẾT / GHI CHÚ
				Lý thuyết	Thảo luận + Bài tập			Thí nghiệm	Thực hành		
	HỌC KỲ 1										
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lê Nin F1	MLN01.2	2	21	18					60	
2	Kỹ năng mềm	QLY18.2	2	24	12					60	
3	Đại số tuyến tính	DSO02.3	3	30	30					90	
4	Giải tích 1	GIT01.3	3	30	30					90	
5	Vật lý ứng dụng trong xây dựng	VLY04.4	4	45	15			15		120	
6	Giáo dục thể chất F1	GDT01.1	1						30	30	
	Cộng		15								
	HỌC KỲ 2										
7	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lê Nin F2	MLN02.3	3	32	26					90	
8	Giải tích 2	GIT02.3	3	30	30					90	
9	Hóa học ứng dụng trong xây dựng	HOA03.3	3	30	15			15		90	
10	Ngoại ngữ B1		4	30	60					120	
a	Tiếng Anh	ANHB1QT.4									
b	Tiếng Pháp	PHAPB1QT.4									
11	Vẽ kỹ thuật F1	VKT01.2	2	24	12					60	
12	Thực tập xưởng	TTX02.1	1						30	30	
13	Giáo dục thể chất F2	GDT02.1	1						30	30	
	Cộng		17								
	HỌC KỲ 3										
14	Tư tưởng Hồ Chí Minh	HCM01.2	2	21	18					60	
15	Xác suất thống kê	DSO04.2	2	24	12					60	
16	Ngoại ngữ B2		3	30	30					90	
a	Tiếng Anh	ANHB2QT.3									
b	Tiếng Pháp	PHAPB2QT.3									
17	Vẽ kỹ thuật F2	VKT02.2	2	24	12		10			60	
18	Cơ học lý thuyết	CLT202.4	4	45	30					120	

TT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	GIẢNG TRÊN LỚP		Thiết kế môn học	Bài tập lớn	THỰC HÀNH		TỰ HỌC	HỌC PHẦN TIỀN QUYẾT / GHI CHÚ
				Lý thuyết	Thảo luận + Bài tập			Thí nghiệm	Thực hành		
19	Trắc địa	TRD202.4	4	45			10	30		90	
20	Giáo dục thể chất F3	GDT03.1	1						30	30	
	Cộng		18								
	HỌC KỲ 4										
21	Đường lối cách mạng của Đảng CSVN	DCS01.3	3	32	26					90	
22	Sức bền vật liệu	SBV208.4	4	45	15		10	15		120	
23	Máy xây dựng	MXD33.2	2	24	12					60	
24	Địa chất công trình	DKT01.2	2	24	12					60	
25	Thủy lực	COT201.4	4	45	15			15		90	
26	Thực tập trắc địa	TRD203.1	1						30	60	
27	Giáo dục thể chất F4	GDT04.1	1						30	30	
	Cộng		17								
	HỌC KỲ 5										
28	Giáo dục QP-AN F1	GQP201.3	3	45						90	
29	Giáo dục QP-AN F2	GQP202.2	2	30						60	
30	Giáo dục QP-AN F3	GQP203.3	3	45					30	90	
31	Cơ học đất đá	DKT30.3	3	30	15			15		90	
32	Cơ học kết cấu	KCA201.4	4	45	30		10			120	
33	Vật liệu xây dựng F1	VLX201.3	3	30	15		10	15		90	
34	Thực tập địa chất công trình	DKT04.1	1						30	30	
35	Giáo dục thể chất F5	GDT05.1	1						30	30	
	Cộng		20								
	HỌC KỲ 6										
36	Thủy văn công trình	COT202.3	3	30	30					90	
37	Kỹ thuật nền móng	DKT03.3	3	30	30		10			90	
38	Kết cấu BT cốt thép	KCA05.3	3	30	30		10			90	
39	Cơ sở công trình cầu	CAU201.3	3	30	30		10			90	
40	Thiết kế các yếu tố hình học đường ô tô	DBO01.2	2	24	12					60	
41	Vật liệu Xây dựng F2	VLX202.2	2	15	15			15		60	
42	Kết cấu thép	KCA06.2	2	24	12					60	
43	a - Cơ học môi trường liên tục	SBV212.2	2	24	12					60	Chọn 1 trong 3 HP
	b- Động lực học công trình	KCA04.2	2	24	12					60	

TT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	GIẢNG TRÊN LỚP		Thiết kế môn học	Bài tập lớn	THỰC HÀNH		TỰ HỌC	HỌC PHẦN TIỀN QUYẾT / GHI CHÚ
				Lý thuyết	Thảo luận + Bài tập			Thí nghiệm	Thực hành		
	c- Ổn định bờ dốc và tường chắn	DKT25.2	2	24	12		10			60	
	Cộng		20								
	HỌC KỲ 7										
44	Thiết kế đường sắt	DSA201.2	2	24	12					60	
45	Cơ sở phương pháp phân tử hữu hạn	KCA03.2	2	24	12					60	
46	Các giải pháp kỹ thuật xây dựng bền vững	GTP260.2	2	24	12					60	
47	Quản lý dự án xây dựng	DAN03.2	2	24	12					60	
48	Tin học ứng dụng trong xây dựng	TDH2.20.3	3	30	30					60	
49	Thiết kế cầu thép	CAU02.2	2	24	12					60	
50	Thiết kế cầu Bê tông cốt thép	CAU04.2	2	24	12		10			60	
51	Đồ án thiết kế cầu	CAU19.1	1			15				30	
52	Thiết kế nền mặt đường ô tô	DBO02.3	3	30	30					90	
53	Đồ án thiết kế đường ô tô	DBO11.1	1			15				30	
54	Thực tập kỹ thuật cầu - đường bộ	KCT01.1	1						30	30	
	Cộng		21								
	HỌC KỲ 8										
55	Xây dựng cầu	CAU06.3	3	30	30		10			90	
56	Xây dựng mặt đường ô tô	DBO05.2	2	24	12					60	
57	a-Thiết kế cầu thép nâng cao	CAU03.2	2	24	12					60	Chọn 1 trong 3 HP
	b- Thiết kế cầu bê tông cốt thép nâng cao	CAU05.2	2	24	12		10			60	
	c - Đường đô thị và tổ chức giao thông	DBO06.2	2	24	12					60	

TT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	GIẢNG TRÊN LỚP		Thiết kế môn học	Bài tập lớn	THỰC HÀNH		TỰ HỌC	HỌC PHẦN TIỀN QUYẾT / GHI CHÚ
				Lý thuyết	Thảo luận + Bài tập			Thí nghiệm	Thực hành		
58	Kinh tế xây dựng	KXD33.2	2	24	12					60	
59	Xây dựng nền đường và tổ chức thi công đường ô tô	DBO04.3	3	30	30		10			90	
60	Khai thác và kiểm định cầu	CAU12.2	2	24	12					60	
61	Thử nghiệm công trình	TTK04.2	2						60	60	
62	Khai thác và bảo trì đường ô tô	DBO08.2	2	24	12					60	
63	Công trình ngầm giao thông	KCT04.2	2	24	12					60	
	Cộng		20								
	HỌC KỲ 9										
64	Thực tập tốt nghiệp (chuyên ngành cầu đường bộ)	KCT02.4	4						120	120	
65	Đồ án tốt nghiệp (chuyên ngành cầu đường bộ)	KCT03.10	10						300	300	
	Cộng		14								
	Tổng cộng số tín chỉ		162								
	Tổng số môn		65								

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐÔ THỊ VIỆT - NHẬT
 NGÀNH: KỸ THUẬT XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG

TT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	GIẢNG TRÊN LỚP		Thiết kế môn học	Bài tập lớn	THỰC HÀNH		TỰ HỌC	HỌC PHẦN TIỀN QUYẾT
				Lý thuyết	Thảo luận + Bài tập			Thí nghiệm	Thực hành		
	HỌC KỲ 1										
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lê Nin F1	MLN01.2	2	21	18					60	
2	Kỹ năng mềm	QLY18.2	2	24	12					60	
3	Đại số tuyến tính	DSO02.3	3	30	30					90	
4	Giải tích 1	GIT01.3	3	30	30					90	
5	Vật lý ứng dụng trong xây dựng	VLY04.4	4	45	15			15		120	
6	Giáo dục thể chất F1	GDT01.1	1						30	30	
	Cộng		15								
	HỌC KỲ 2										
7	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lê Nin F2	MLN02.3	3	32	26					90	
8	Giải tích 2	GIT02.3	3	30	30					90	
9	Hóa học ứng dụng trong xây dựng	HOA03.3	3	30	15			15		90	
10	Tiếng Anh B1	ANHB1QT.4	4	30	60					120	
11	Vẽ kỹ thuật F1	VKT01.2	2	24	12					60	
12	Thực tập xưởng	TTX02.1	1						30	30	
13	Giáo dục thể chất F2	GDT02.1	1						30	30	
	Cộng		17								
	HỌC KỲ 3										
14	Tư tưởng Hồ Chí Minh	HCM01.2	2	21	18					60	
15	Xác suất thống kê	DSO04.2	2	24	12					60	
16	Tiếng Anh B2	ANHB2QT.3	3	30	30					60	
17	Vẽ kỹ thuật F2	VKT02.2	2	24	12		10			60	
18	Cơ học lý thuyết	CLT202.4	4	45	30					120	
19	Trắc địa	TRD202.4	4	45			10	30		90	
20	Giáo dục thể chất F3	GDT03.1	1						30	30	
	Cộng		18								
	HỌC KỲ 4										
21	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	DCS01.3	3	32	26					90	
22	Sức bền vật liệu	SBV208.4	4	45	15		10	15		120	
23	Máy xây dựng	MXD33.2	2	24	12					60	

TT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	GIẢNG TRÊN LỚP		Thiết kế môn học	Bài tập lớn	THỰC HÀNH		TỰ HỌC	HỌC PHẦN TIỀN QUYẾT
				Lý thuyết	Thảo luận + Bài tập			Thí nghiệm	Thực hành		
24	Địa chất công trình	DKT01.2	2	24	12					60	
25	Thủy lực	COT201.4	4	45	15			15		90	
26	Thực tập trắc địa	TRD203.1	1						30	60	
27	Giáo dục thể chất F4	GDT04.1	1						30	30	
	Cộng		17								
	HỌC KỲ 5										
28	Giáo dục QP-AN F1	GQP201.3	3	45						90	
29	Giáo dục QP-AN F2	GQP202.2	2	30						60	
30	Giáo dục QP-AN F3	GQP203.3	3	45					30	90	
31	Cơ học đất đá	DKT30.3	3	30	15			15		90	
32	Cơ học kết cấu	KCA201.4	4	45	30		10			120	
33	Vật liệu xây dựng F1	VLX201.3	3	30	15		10	15		90	
34	Thực tập địa chất công trình	DKT04.1	1						30	30	
35	Giáo dục thể chất F5	GDT05.1	1						30	30	
	Cộng		20								
	HỌC KỲ 6										
36	Thủy văn công trình	COT202.3	3	30	30					90	
37	Kết cấu bê tông cốt thép	KCA05.3	3	30	30		10			90	
38	Kết cấu thép	KCA06.2	2	24	12					60	
39	Kỹ thuật nền móng	DKT03.3	3	30	30		10			90	
40	Vật liệu Xây dựng F2	VLX202.2	2	15	15			15		60	
41	a - Cơ học môi trường liên tục	SBV212.2	2	24	12					60	Chọn 1 trong 3 HP
	b- Động lực học công trình	KCA04.2	2	24	12					60	
	c- Ổn định bờ dốc và tường chắn	DKT25.2	2	24	12		10			60	
42	Cơ sở công trình cầu	GTP201.3	3	30	30		10			90	
43	Thiết kế các yếu tố hình học đường ô tô	GTC201.2	2	24	12		10			60	
	Cộng		20								
	HỌC KỲ 7										
44	Kinh tế xây dựng	KXD33.2	2	24	12					60	
45	Thiết kế đường sắt	DSA201.2	2	24	12					60	
46	Thiết kế Cầu Thép	GTP02.2	2	24	12		10			60	
47	Thiết kế Cầu BTCT	GTP203.2	2	24	12		10			60	
48	Kỹ thuật Xây dựng đường ô tô	DBS18.2	2	24	12					60	
49	a- Phân tích kết cấu và	GTP248.3	3	30	30					90	Chọn 1

TT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	GIẢNG TRÊN LỚP		Thiết kế môn học	Bài tập lớn	THỰC HÀNH		TỰ HỌC	HỌC PHẦN TIỀN QUYẾT
				Lý thuyết	Thảo luận + Bài tập			Thí nghiệm	Thực hành		
	ứng dụng phần mềm thiết kế Công trình Giao thông										trong 3 HP
	b- Tin học ứng dụng trong xây dựng	TDH2.20.3	3	30	30					90	
	c-Cơ sở phương pháp phân tử hữu hạn	KCA03.3	3	30	30					90	
50	Quản lý dự án xây dựng	DAN03.2	2	24	12					60	
51	Quy hoạch xây dựng đô thị và giao thông đô thị	GTC2.03.3	3	30	30					90	
52	Thực tập kỹ thuật	GTP07.1	1						30	30	
	Cộng		19								
	HỌC KỲ 8										
53	Các giải pháp kỹ thuật xây dựng bền vững	GTP260.2	2	24	12					60	
54	a. Chẩn đoán Cầu và hầm	GTP09.2	2	24	12					60	
	b. Khai thác và bảo trì đường đô thị	GTC222.2	2	24	12					60	
55	Xây dựng cầu	GTP05.3	3	30	30		10			90	
56	Công trình ngầm giao thông	KCT04.2	2	24	12		10			60	
57	Cầu Thành phố	GTP12.2	2	24	12					60	
58	Thiết kế nút giao trong đô thị	GTP221.2	2	24	12					60	
59	Đồ án thiết kế cầu Thành phố	GTP13.1	1			15				30	
60	Đồ án quy hoạch và thiết kế đường đô thị	GTC223.1	1			15				30	
61	Chuyên đề Công nghệ Xây dựng hiện đại tại Nhật Bản	GTP218.3	3	30	30					90	
62	Đường sắt đô thị	DSA18.2	2	24	12						
63	Thí nghiệm chuyên môn	TTK04.2	2						30	30	
	Cộng		22								
	HỌC KỲ 9										
64	Thực tập tốt nghiệp	GTP16.4	4						120	120	
65	Đồ án tốt nghiệp	GTP17.10	10						300	300	
	Cộng		14								
	Tổng cộng số tín chỉ		162								

CHUYÊN NGÀNH: VẬT LIỆU VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT-PHÁP
NGÀNH: KỸ THUẬT XÂY DỰNG

TT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	GIẢNG TRÊN LỚP		Thiết kế môn học	Bài tập lớn	THỰC HÀNH		TỰ HỌC	HỌC PHẦN TIỀN QUYẾT/ GHI CHÚ
				Lý thuyết	Thảo luận + Bài tập			Thí nghiệm	Thực hành		
	HỌC KỲ 1										
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lê Nin F1	MLN01.2	2	21	18					60	
2	Đại số tuyến tính	DSO02.3	3	30	30					90	
3	Vật lý	VLY201.4	4	45	15			15		120	
4	Giải tích F1	GIT01.3	3	30	30					90	
5	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lê Nin F2	MLN02.3	3	32	26					90	
6	Giáo dục thể chất F1	GDT01.1	1						30	30	
	Cộng		16								
	HỌC KỲ 2										
7	Giải tích F2	GIT02.3	3	30	30					90	
8	Tiếng Pháp B1	PHAPB1QT.4	4	30	60					120	
9	Vẽ kỹ thuật F1	VKT01.2	2	24	12					60	
10	Nhập môn thiết kế và kỹ năng trình bày	KCX03.2	2	15	30					60	
11	Thực tập xưởng	TTX02.1	1						30	30	
12	Tư tưởng Hồ Chí Minh	HCM01.2	2	21	18					60	
13	Giáo dục thể chất F2	GDT02.1	1						30	30	
14	Kỹ năng mềm	QLY18.2	2	24	12					60	(mới)
	Cộng		17								
	HỌC KỲ 3										
15	Tiếng Pháp B2	PHAPB2QT.3	3	30	30					90	
16	Xác suất thống kê	DSO04.2	2	24	12					60	
17	Hóa học ứng dụng	HOA06.3	3	30	15			15		90	
18	Cơ học lý thuyết	CLT202.4	4	45	30					120	
19	Vẽ kỹ thuật F2	VKT02.2	2	24	12		10			60	
20	Trắc địa	TRD202.4	4	45			10		30	120	(tăng tín chỉ)
21	Giáo dục thể chất F3	GDT03.1	1						30	30	
	Cộng		19								
	HỌC KỲ 4										
22	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	DCS01.3	3	32	26					90	

TT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	GIẢNG TRÊN LỚP		Thiết kế môn học	Bài tập lớn	THỰC HÀNH		TỰ HỌC	HỌC PHẦN TIỀN QUYẾT/ GHI CHÚ
				Lý thuyết	Thảo luận + Bài tập			Thí nghiệm	Thực hành		
23	Phân tích kết cấu F1	KCX01.3	3	30	30					90	
24	Vật liệu xây dựng F1(BTL)	VLX201.3	3	30	15		10	15		90	
25	Sức bền vật liệu F1	SBV01.3	3	30	30					90	
26	Địa chất công trình	DKT01.2	2	24	12					60	
27	Cơ học đất	DKT23.2	2	24	12					60	
28	Thực tập trắc địa	TRĐ203.1	1						30	60	
29	Giáo dục thể chất F4	GDT04.1	1						30	30	
	Cộng		18								
	HỌC KỲ 5										
30	Giáo dục thể chất F5	GDT05.1	1						30	30	
31	Giáo dục QP-AN F1	GQP201.3	3	45						90	
32	Giáo dục QP-AN F2	GQP202.2	2	30						60	
33	Giáo dục QP-AN F3	GQP203.3	3	45					30	90	
34	Đại cương về vật liệu	GEM01.2 VLX25.2	2	24	12					60	
35	Cấu trúc vật liệu	GEM02.2 VLX26.2	2	24	12					60	
36	Khuếch tán	GEM04.2 VLX26.2	2	24	12					60	
37	Tính chất cơ học của vật liệu	GEM05.3 VLX27.2	3	30	15			15		90	
38	Tính chất vật lý của vật liệu	GEM08.2 VLX28.2	2	24	12					60	
	Cộng		20								
	HỌC KỲ 6										
39	Sự hư hỏng của vật liệu	GEM06.2 VLX31.2	2	24	12					60	
40	Chất kết dính và xi măng	GEM21.3 VLX32.3	3	30	30					90	
41	Thủy lực- Thủy văn	COT07.3	3	30	30					90	
42	Biểu đồ pha	GEM03.2 VLX30.2	2	24	12					60	
43	Phân tích kết cấu F2	KCX02.2	2	15	30					60	
44	Kết cấu bê tông cơ bản	KCX04.3	3	30	30					90	
45	Kết cấu thép cơ bản	KCX209.3	3	30	30		10			90	
46	Bê tông tính năng cao	VLX206.2	2	24	12					60	
	Cộng		20								

TT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	GIẢNG TRÊN LỚP		Thiết kế môn học	Bài tập lớn	THỰC HÀNH		TỰ HỌC	HỌC PHẦN TIỀN QUYẾT/ GHI CHÚ
				Lý thuyết	Thảo luận + Bài tập			Thí nghiệm	Thực hành		
	HỌC KỲ 7										
47	Máy xây dựng	MXD33.2	2	24	12					60	
48	Kinh tế xây dựng	KXD33.2	2	24	12					60	
49	Công nghệ bê tông	VLX209.2	2	24	12					60	
50	Thử nghiệm vật liệu và công trình xây dựng	GEM07.2 VLX33.2	2	15	15			15		60	
51	Kết cấu bê tông dự ứng lực	KCX10.2	2	24	12					60	
52	Bê tông át phan	VLX205.2	2	24	12					60	
53	Kim loại và hợp kim 1	GEM17.2 VLX34.2	2	24	12					60	
54	Kim loại và hợp kim 2	GEM18.2 VLX35.2	2	24	12					60	
55	Kim loại và hợp kim 3	GEM19.2 VLX36.2	2	30	30		10			90	
56	Thực tập kỹ thuật	VLX208.1	1						30	30	
	Cộng		19								
	HỌC KỲ 8										
57	Ứng dụng của vật liệu trong xây dựng đường ô tô	VLX37.3	3	30	30		10			90	
58	Kim loại và hợp kim 4	GEM20.2 VLX38.2	2	30	30		10			90	
59	Vật liệu polyme	GEM12.2 VLX39.2	2	24	12					60	
60	a- Ứng dụng của vật liệu tiên tiến trong xây dựng cầu	VLX40.3	3	30	30		10			90	Chọn 1 trong 2 HP
	b. Hướng dẫn thiết kế kết cấu bê tông tính năng cao (mới bổ sung)	VLX226.2	3	30	30		10			90	
61	Vật liệu polyme cốt sợi	GEM11.2 VLX41.2	2	24	12					60	
62	Bê tông	GEM22.3 VLX42.3	3	30	30					90	
63	Thuỷ tinh và Gốm sứ	GEM15.2 VLX43.2	2	24	12					60	
64	Vật liệu composite	GEM13.2 VLX44.2	2	24	12					60	
	Cộng		19								
	HỌC KỲ 9										
65	Thực tập tốt nghiệp	VLX223.4	4						120	120	
66	Đồ án tốt nghiệp	VLX224.10	10						300	300	
	Cộng		14								
	Tổng cộng số tín chỉ		162								

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO QUY HOẠCH & QUẢN LÝ
GIAO THÔNG VẬN TẢI ĐÔ THỊ VIỆT – PHÁP
 NGÀNH: KHAI THÁC VẬN TẢI

TT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	GIẢNG TRÊN LỚP		Thiết kế môn học	Bài tập lớn	THỰC HÀNH		TỰ HỌC	HỌC PHẦN TIỀN QUYẾT/ GHI CHÚ
				Lý thuyết	Thảo luận + Bài tập			Thí nghiệm	Thực hành		
	HỌC KỲ 1										
1	Pháp luật đại cương	QLY01.2	2	24	12					60	
2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác Lênin 1	MLN01.2	2	21	18					90	
3	Đại số tuyến tính	DSO01.2	2	24	12					60	
4	Giải tích	GIT05.2	2	15	30					60	
5	Tin học đại cương	CPM02.3	3	30	15				15	90	
6	Khoa học quản lý	QLY06.2	2	24	12					60	
7	Giáo dục thể chất F1	GDT01.1	1						30	30	
8	a. Hóa học	HOA01.2	2	15				30		60	Chọn 1 trong 2 môn
	b. Vật lý cơ nhiệt	VLY03.2	2	15	30					60	
	Cộng		16								
	HỌC KỲ 2										
9	Tiếng Pháp B1	PHAPB1QT.4	4	30	60					120	
10	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác Lênin 2	MLN02.3	3	32	26					90	MLN01.2
11	Hình họa – vẽ kỹ thuật	VKT07.3	3	30	30					90	
12	Cơ sở hạ tầng GTVT	GTC2.19.3	3	30	30					90	
13	Giáo dục thể chất F2	GDT02.1	1						30	30	
14	a. Tâm lý học quản lý	QLY04.2	2	24	12					60	Chọn 1 trong 2 môn
	b. Văn hóa Kinh doanh	QLY13.2	2	24	12					60	
	Cộng		16								
	HỌC KỲ 3										
15	Tiếng Pháp B2	PHAPB2QT.3	3	30						90	
16	Tư tưởng Hồ Chí Minh	HCM01.2	2	21	18					60	MLN02.3
17	Giáo dục thể chất F3	GDT03.1	1						30	30	
18	Pháp luật kinh tế	QLY03.2	2	24	12					60	
19	Địa lý giao thông vận tải	VTO01.2	2	24	12					60	
20	Nguyên lý thống kê	QLY10.2	2	24	12					60	
21	Kinh tế vận tải	KVT10.2	2	24	12					60	

TT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	GIẢNG TRÊN LỚP		Thiết kế môn học	Bài tập lớn	THỰC HÀNH		TỰ HỌC	HỌC PHẦN TIỀN QUYẾT/ GHI CHÚ
				Lý thuyết	Thảo luận + Bài tập			Thí nghiệm	Thực hành		
22	Tổ chức xếp dỡ	VKS49.3	3	30	30					90	
23	Kỹ năng mềm	QLY18.2	2	24	12					60	
24	a. Lý thuyết xác suất thống kê toán	GSO05.2	2	24	12					60	Chọn 1 trong 2 môn
	b. Toán kinh tế	GIT07.2	2	24	12					60	
	Cộng		21								
	HỌC KỲ 4										
25	Đường lối cách mạng của Đảng CSVN	DCS01.3	3	32	26					90	HCM01.2
26	Giáo dục thể chất F4	GDT04.1	1						30	30	
27	Logistics	QHO03.2	2	24	12					60	QLY06.2
28	Thống kê vận tải	VKS52.2	2	24	12					60	
29	Phương tiện vận tải	CKO30.2	2	24	12					60	
30	Nhập môn tổ chức VT ô tô	VTO02.2	2	24	12					60	
31	Nhập môn Tổ chức vận tải đường thủy.	VTO03.2	2	24	12					60	
32	Nhập môn tổ chức vận tải đường sắt	VKS26.2	2	15	30					60	
33	An toàn vận tải	VTO04.2	2	24	12					60	
34	a. Chất lượng dịch vụ VT	KVD47.2	2	24	12					60	Chọn 1 trong 2 môn
	b. Quản lý Nhà nước về kinh tế	QLY07.2	2	24	12					60	
	Cộng		20								
	HỌC KỲ 5										
35	Giáo dục thể chất F5	GDT05.1	1						30	30	
36	Giáo dục QP-AN F1	GQP01.3	3	45						90	
37	Giáo dục QP-AN F2	GQP02.2	2	30						60	
38	Giáo dục QP-AN F3	GQP03.3	3	45						90	
39	Marketing dịch vụ vận tải	VTO07.2	2	24	12					60	
40	Bảo hiểm Giao thông VT	VTO05.2	2	24	12					60	
41	Định mức Kinh tế KT	KVD08.2	2	24	12					60	
42	Thương vụ vận tải + BTL	VTO06.3	3	30	30		10		90	100	
43	a. Tổ chức vận tải đa phương thức	VTO08.2	2	24	12					60	Chọn 1 trong 2 môn
	b. Lý thuyết Tổ chức SX	VTO09.2	2	24	12					60	
	Cộng		20								
	HỌC KỲ 6										

TT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	GIẢNG TRÊN LỚP		Thiết kế môn học	Bài tập lớn	THỰC HÀNH		TỰ HỌC	HỌC PHẦN TIỀN QUYẾT/ GHI CHÚ
				Lý thuyết	Thảo luận + Bài tập			Thí nghiệm	Thực hành		
44	Chiến lược kinh doanh	KVD02.2	2	24	12					60	
45	Mô hình hóa quá trình VT	VKS213.3	3	30	30					90	
46	Quy hoạch GTVT	QHO01.2	2	24	12					60	
47	Quản lý dự án đầu tư Giao thông Vận tải	KVD15.2	2	24	12					60	
48	Thực tập cơ sở vật chất và kỹ thuật	QHO35.2	2						60	60	
49	Kinh tế và Quy hoạch GTVT	QHO09.10.2	2	24	12					60	
50	Quy hoạch đô thị	QHO2.01.2	2	24	12					60	
51	Điều tra dự báo nhu cầu GTVT	QHO05.06.2	2	24	12					60	
52	a. Quản lý đô thị	QHO04.2	2	24	12					60	Chọn 1 trong 2 môn
	b. Quản lý doanh nghiệp công cộng đô thị	QHO15.2	2	24	12					60	
	Cộng		19								
	HỌC KỲ 7										
53	Quy hoạch GTVT đô thị	QHO06.2	2	24	12					60	QHO01.2
54	GIS và viễn thám ứng dụng	TRD04.2	2	24	12					60	
55	ITS và khai thác hệ thống GTVT	QHO20.08.3	3	30	30		10			90	
56	Quản lý & tổ chức giao thông đô thị (có BTL)	QHO2.11.3	3	30	30		10			90	
57	Quy hoạch hạ tầng tiện ích đô thị	QHO08.3.3	3	30	30		10			90	
58	Quy hoạch và Quản lý VT công cộng (có BTL)	QHO10.3	3	30	30		10			90	
59	Thực hành Mô phỏng giao thông	QHO21.07.2	2						60	60	
60	a. Quy hoạch CSHT dịch vụ vận tải	QHO13.2	2	24	12					60	Chọn 1 trong 2 môn
	b. Thiết kế yếu tố hình học đường ô tô	GTC2.01.2	2	24	12					60	
	Cộng		20								
	HỌC KỲ 8										
61	Thực tập tốt nghiệp	QHO16.3	3						90	90	
62	Làm và bảo vệ tốt nghiệp	QHO17.3	10						300	300	
	Cộng		13								
	Tổng cộng số tín chỉ		145								

KINH TẾ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG VIỆT – ANH
NGÀNH: KINH TẾ XÂY DỰNG

TT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	GIẢNG TRÊN LỚP		Thiết kế môn học	Bài tập lớn	THỰC HÀNH		TỰ HỌC	HỌC PHẦN TIỀN QUYẾT / GHI CHÚ
				Lý thuyết	Thảo luận + Bài tập			Thí nghiệm	Thực hành		
	HỌC KỲ 1										
1	Giáo dục thể chất F1	GDT01.1	1						30	30	
2	Giải tích	GIT05.2	2	15	30					60	
3	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác Lênin F1	MLN01.2	2	21	18					60	
4	Pháp luật đại cương	QLY01.2	2	24	12					60	
5	Tin học đại cương	CPM02.3	3	30	15				15	90	
6	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác Lênin F2	MLN02.3	3	32	26					90	
7	Đại số tuyến tính	DSO01.2	2	24	12					60	
8	Kỹ năng mềm	QLY18.2	2	24	12					60	
	Cộng		17								
	HỌC KỲ 2										
9	Tư tưởng Hồ Chí Minh	HCM01.2	2	21	18					60	
10	Giáo dục QP-AN F1	GQP201.3	3	45						90	
11	Giáo dục QP-AN F2	GQP202.2	2	30						60	
12	Giáo dục QP-AN F3	GQP203.3	3	45					30	90	
13	Tiếng Anh B1	ANHB1QT.4	4	30	60					120	
14	Giáo dục thể chất F2	GDT02.1	1						30	30	
15	a. Khoa học quản lý	QLY06.2	2	24	12					60	Chọn 1 trong 2 HP
	b. Quản trị kinh doanh	KXD02.2		24	12					60	
	Cộng		17								
	HỌC KỲ 3										
16	Giáo dục thể chất F3	GDT03.1	1						30	30	
17	Tiếng Anh B2	ANHB2QT.3	3	30	30					90	
18	Xác suất thống kê	DSO05.2	2	24	12					60	
19	Cơ học cơ sở	SBV25.2	2	24	12					60	Nấc 1

TT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	GIẢNG TRÊN LỚP		Thiết kế môn học	Bài tập lớn	THỰC HÀNH		TỰ HỌC	HỌC PHẦN TIỀN QUYẾT / GHI CHÚ
				Lý thuyết	Thảo luận + Bài tập			Thí nghiệm	Thực hành		
20	Hình họa và vẽ kỹ thuật	VKT06.3	3	30	30					90	
21	Kinh tế học	KVT222.3	3	30	30					90	
22	Trắc địa đại cương	TRD02.2	2	24					12	60	
23	Cơ kết cấu	KCA207.2	2	24	12					60	Nấc 2
	Cộng		18								
	HỌC KỲ 4										
24	Đường lối CM của ĐCS Việt Nam	DCS01.3	3	32	26					90	
25	Pháp luật xây dựng	KXD244.3	3	30	30					90	
26	Kết cấu xây dựng	KCA09.3	3	30	30					90	
27	Giáo dục thể chất F4	GDT04.1	1						30	30	
28	Địa kỹ thuật	DKT17.3	3	30	30					90	
29	Thiết kế đường ô tô	DBO13.3	3	30	30					90	
30	Vật liệu xây dựng	VLX203.2	2	24	12					60	
31	Đường sắt	DSA30.2	2	24	12					60	
	Cộng		20								
	HỌC KỲ 5										
32	Giáo dục thể chất F5	GDT05.1	1						30	30	
33	Máy xây dựng	MXD33.2	2	24	12					60	
34	Công trình nhân tạo F1	CAU13.3	3	30	30					90	
35	Xây dựng đường ô tô	DBO14.3	3	30	30					90	
36	Kinh tế xây dựng	KXD203.4	4	45	30					120	
37	Quản lý dự án đầu tư xây dựng	KXD245.3	3	30	30					90	
38	Kinh tế đầu tư	KXD246.3	3	30	30					90	
39	Đồ án công trình cầu	CAU215.1	1			15				30	Chọn 1 trong 2 HP
	Đồ án công trình đường	DBO214.1				15				30	
	Cộng		20								
	HỌC KỲ 6										
40	Công trình nhân tạo F2	CAU14.3	3	30	30					90	
41	Đo bóc khối lượng XD	KXD204.2	2	15	30					60	

TT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	GIẢNG TRÊN LỚP		Thiết kế môn học	Bài tập lớn	THỰC HÀNH		TỰ HỌC	HỌC PHẦN TIỀN QUYẾT / GHI CHÚ
				Lý thuyết	Thảo luận + Bài tập			Thí nghiệm	Thực hành		
42	Tài chính doanh nghiệp xây dựng	KXD248.3	3	30	30					90	
43	Chiến lược kinh doanh và kế hoạch hóa trong xây dựng	KXD247.2	2	24	12					60	
44	Điều tra quy hoạch	KXD03.2	2	24	12					60	
45	Thống kê đầu tư XD	KXD249.3	3	30	30					90	
46	Thực tập kỹ thuật	KXD201.3	3						90	90	
	Cộng		18								
	HỌC KỲ 7										
47	Kế toán xây dựng cơ bản (BTL)	KXD07.4	4	45	30		10			120	
48	Tổ chức và quản lý thi công xây dựng	KXD208.3	3	30	30					90	
49	Định mức và định giá sản phẩm xây dựng	KXD206.3	3	30	30					90	
50	Phân tích hoạt động kinh tế doanh nghiệp xây dựng (BTL)	KXD09.3	3	30	30		10			90	
51	Quản lý thanh toán, quyết toán trong XD	KXD250.3	3	30	30					60	
52	Đồ án định giá sản phẩm xây dựng	KXD251.1	1			15				30	
53	Đồ án thiết kế tổ chức thi công công trình	KXD252.1	1			15				30	
54	a. Marketing trong XD	KXD13.2	2	24	12					60	Chọn 1 trong 2 HP
	b. Lập hồ sơ mời thầu và hồ sơ dự thầu trong xây dựng	KXD210.2		15	30					60	
	Cộng		20								
	HỌC KỲ 8										
55	Thực tập tốt nghiệp	KXD10.4	4						90	90	
56	Đồ án tốt nghiệp	KXD29.10	10						300	300	
	Cộng		14								
	TỔNG		144								

CHƯƠNG TRÌNH KẾ TOÁN TỔNG HỢP VIỆT-ANH
NGÀNH: KẾ TOÁN

TT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	GIẢNG TRÊN LỚP		Thiết kế môn học	Bài tập lớn	THỰC HÀNH		TỰ HỌC	HỌC PHẦN TIỀN QUYẾT / GHI CHÚ
				Lý thuyết	Thảo luận + Bài tập			Thí nghiệm	Thực hành		
	HỌC KỲ 1										
1	Pháp luật đại cương	QLY01.2	2	24	12					60	
2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa MLN F1	MLN01.2	2	21	18					60	
3	Đại số	DSO01.2	2	24	12					60	
4	Giải tích	GIT05.2	2	15	30					60	
5	Tin học đại cương	CPM02.3	3	30	15				15	90	
6	Kỹ năng mềm	QLY18.2	2	24	12					60	
7	Giáo dục thể chất F1	GDT01.1	1						30	30	
8	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa MLN F2	MLN02.3	3	32	26					90	
	Cộng		17								
	HỌC KỲ 2										
9	Pháp luật kinh tế	QLY02.3	3	30	30		10			90	
10	Tiếng Anh B1	ANHB1QT.4	4	30	60					120	
11	Giáo dục thể chất F2	GDT02.1	1						30	30	
12	Giáo dục QP-AN F1	GQP01.3	3	45						90	
13	Giáo dục QP-AN F2	GQP02.2	2	30						60	
14	Giáo dục QP-AN F3	GQP03.3	3	45					30	90	
15	Tư tưởng Hồ Chí Minh	HCM01.2	2	21	18					60	
	Cộng		18								
	HỌC KỲ 3										
16	Kinh tế vĩ mô	KVT02.3	3	30	30					90	
17	Quản trị học	QTD51.2	2	24	12					60	
18	Giáo dục thể chất F3	GDT03.1	1						30	30	
19	Marketing căn bản	KVT12.3	3	30	30					90	
20	Xác suất thống kê	DSO05.2	2	24	12					60	
21	Tiếng Anh B2	ANHB2QT.3	3	30	30						
22	a- Kinh tế công cộng	KVT08.2	2	24	12					60	Chọn 2 trong 3 HP
	b- Kinh tế phát triển	QLY08.2	2	24	12						
	c- Kinh tế môi trường	KVT 07.2	2	24	12						
	Cộng		18								

TT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	GIẢNG TRÊN LỚP		Thiết kế môn học	Bài tập lớn	THỰC HÀNH		TỰ HỌC	HỌC PHẦN TIỀN QUYẾT / GHI CHÚ
				Lý thuyết	Thảo luận + Bài tập			Thí nghiệm	Thực hành		
	HỌC KỲ 4										
23	Tài chính tiền tệ	KVT06.3	3	30	30					90	
24	Kinh tế vi mô	KVT01.3	3	30	30					90	
25	Nguyên lý thống kê	QLY202.3	3	30	30		10			90	
26	Giáo dục thể chất F4	GDT04.1	1						30	30	
27	Nguyên lý kế toán	KVT213.4	4	45	30					120	
28	Đường lối cách mạng của Đảng CSVN	DCS01.3	3	32	26					90	
	Cộng		17								
	HỌC KỲ 5										
29	Kinh tế quốc tế	KVT22.3	3	30	30					90	
30	Quản trị doanh nghiệp	QTD09.2	2	24	12					60	
31	Thanh toán quốc tế	KVT11.2	2	24	12					60	
32	Giáo dục thể chất F5	GDT05.1	1						30	30	
33	Tài chính doanh nghiệp	KVT23.2	2	24	12					60	
34	Kế toán tài chính F1	KVT202.4	4	45	30		10			120	
35	Tài chính quốc tế	KVT26.2	2	24	12					60	
36	a- Nghiệp vụ ngân hàng	KVT20.2	2	24	12					60	Chọn 2 trong 3 HP
	b- Thị trường chứng khoán	KVD58.2	2	24	12						
	c- Định giá tài sản	KVT21.2	2	24	12						
	Cộng		20								
	HỌC KỲ 6										
37	Kinh tế lượng	KVT03.3	3	30	30					90	
38	Kế toán tài chính F2	KVT203.4	4	45	30		10			120	
39	Kiểm toán căn bản	KVT27.3	3	30	30					90	
40	Thuế và Kế toán thuế	KVT212.2	2	24	12					60	

TT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	GIẢNG TRÊN LỚP		Thiết kế môn học	Bài tập lớn	THỰC HÀNH		TỰ HỌC	HỌC PHẦN TIỀN QUYẾT / GHI CHÚ
				Lý thuyết	Thảo luận + Bài tập			Thí nghiệm	Thực hành		
41	Tổ chức và thực hành kế toán	KVT210.3	3	30	30					90	
42	Kế toán quốc tế	KVT217.3	3	30	30					90	
43	a- Kế toán xây dựng cơ bản	KXD31.2	2	24	12					60	Chọn 1 trong 2 HP
	b- Kế toán dịch vụ	KVT35.2	2	24	12						
	Cộng		20								
	HỌC KỲ 7										
44	Kế toán quản trị	QTD229.3	3	30	30					90	
45	Kỹ năng chuyên ngành kế toán	KVT215.2	2	15	30					60	
46	Phân tích hoạt động Kinh doanh	KVT219.2	2	24	12					60	
47	Phân tích tài chính	KVT33.2	2	24	12					60	
48	Kiểm toán tài chính	KVT218.3	3	30	30		10			90	
49	a- Kế toán hành chính sự nghiệp	KVT214.2	2	24	12					60	Chọn 1 trong 2 HP
	b- Kế toán công ty	KVT36.2	2	24	12						
50	Ứng dụng CNTT trong kế toán	KVT211.3	3	24	12				30	90	
51	Đồ án môn học	KVT216.1	1			15				30	
52	a- Kế toán ngân hàng	KVT38.2	2	24	12					60	Chọn 1 trong 2 HP
	b- Báo cáo tài chính	KVT220.2	2	24	12						
	Cộng		20								
	HỌC KỲ 8										
53	Thực tập tốt nghiệp	KVT41.3	3						90	90	
54	Đồ án tốt nghiệp	KVT42.10	10						300	300	
	Cộng		13								
	Tổng cộng số tín chỉ		143								